

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP BEIER VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP BEIER VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEIER VIET NAM INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BEIER VIET NAM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108895395

3. Ngày thành lập: 11/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 230 Nguyễn Khoái, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
2.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
3.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
4.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
5.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
6.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
7.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
8.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
9.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
10.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
11.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
12.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
13.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219

15.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: - Sản xuất sản phẩm từ nhựa, nhựa phụ gia, hạt nhựa, sản xuất bao bì nhựa; - Sản xuất thùng, hộp, bao bì bằng xốp, - Sản xuất các loại mút xốp	2220
16.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
17.	Đúc sắt, thép	2431
18.	Đúc kim loại màu (Trừ sản xuất vàng miếng)	2432
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
21.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
22.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
23.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
24.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
25.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
26.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
27.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
28.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
29.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
30.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
31.	Sản xuất đồng hồ	2652
32.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
33.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
34.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
35.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
36.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
37.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
38.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
39.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
40.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
41.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
42.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
43.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
44.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813

45.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
46.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
47.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
48.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
49.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
50.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
51.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
52.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
53.	Sản xuất máy luyện kim	2823
54.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
55.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
56.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
57.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
58.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
59.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
60.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
61.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
62.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
63.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
64.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
65.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
66.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
67.	Tái chế phế liệu	3830
68.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
69.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
70.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
71.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
72.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
73.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
74.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
75.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543

76.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
77.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
78.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
79.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652(Chính)
80.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
81.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
82.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng)	4662
83.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
84.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn các sản phẩm từ nhựa, thiết bị, nguyên vật liệu và phụ gia ngành nhựa; - Bán buôn mực ruban, màng chống bụi, màng POF, mực nhiệt, màng kéo giãn, màng PE kéo giãn công nghiệp; màng căng kéo giãn công nghiệp, băng keo trong, ruban đen 30mm - Bán buôn bao bì các loại , - Bán buôn chất chống ẩm. - Bán buôn nguyên vật liệu, phụ liệu đóng gói (giấy nhám, giấy kiếng, túi nhựa, túi nilon, dây đai, vải không dệt, keo, băng keo, thùng carton, các loại da và giả da, thùng xộp, ...) - Bán buôn nhựa PU, PE, PVC, PC, PP, PET - Bán buôn keo, mực in, nước xử lý, chất đông cứng, giấy cách nhiệt các loại - Bán buôn khuôn các loại - Bán buôn nguyên liệu để sản xuất mút xộp - Bán buôn thùng, hộp, bao bì bằng xộp - Bán buôn các loại mút xộp	4669
85.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
86.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
87.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
88.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
89.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
90.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

91.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
92.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
93.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Trừ bán lẻ tem và tiền kim khí, vàng)	4773
94.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
95.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
96.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
97.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
98.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
99.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản, kho ngoại quan)	5210
100.	Bốc xếp hàng hóa	5224
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
102.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ các hoạt động vận tải hàng không)	5229
103.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
104.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán)	7020
105.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
106.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
107.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Tư vấn chuyển giao công nghệ (Điều 45 Luật chuyển giao công nghệ 2017)	7490
108.	Cho thuê xe có động cơ	7710
109.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
110.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
111.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
112.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

113.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
114.	Dịch vụ đóng gói	8292
115.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu hàng hóa - Ủy thác mua bán hàng hóa	8299

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ THU HẰNG	Số 11, Nhà C, Tập thể Nguyễn Công Trứ, Phường Phố Huế, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	0311870000 17	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000		

2	NGUYỄN TUYẾT MAI	Số 50 Hàng Bạc, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	0011890024 61	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000		
3	ÂU KHÁNH TÙNG	Số 38 Hàng Mã, Phường Hàng Mã, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	40,000	012430069	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	80.000	800.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TUYẾT MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/07/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001189002461

Ngày cấp: 25/02/2016

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 50 Hàng Bạc, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 50 Hàng Bạc, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội